

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date : 10/04/2025

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

| STT | Mã chứng khoán    | Số lượng | Tỷ lệ % trong danh mục |
|-----|-------------------|----------|------------------------|
| No  | Securities code   | Quantity | Weight                 |
| I.  | Chứng khoán/Stock |          |                        |
| 1   | ACB               | 1,800    | 5.08%                  |
| 2   | BCG               | 300      | 0.12%                  |
| 3   | BID               | 100      | 0.42%                  |
| 4   | BVH               | 100      | 0.51%                  |
| 5   | CMG               | 100      | 0.37%                  |
| 6   | CTG               | 400      | 1.75%                  |
| 7   | DBC               | 100      | 0.28%                  |
| 8   | DCM               | 100      | 0.33%                  |
| 9   | DGC               | 100      | 0.95%                  |
| 10  | DGW               | 100      | 0.37%                  |
| 11  | DIG               | 200      | 0.39%                  |
| 12  | DPM               | 100      | 0.36%                  |
| 13  | DXG               | 400      | 0.64%                  |
| 14  | EIB               | 700      | 1.41%                  |
| 15  | EVF               | 300      | 0.31%                  |
| 16  | FPT               | 600      | 8.19%                  |
| 17  | FRT               | 100      | 1.61%                  |
| 18  | GAS               | 100      | 0.66%                  |
| 19  | GEX               | 300      | 0.79%                  |
| 20  | GMD               | 200      | 1.09%                  |
| 21  | GVR               | 100      | 0.31%                  |



|    |     |       |       |
|----|-----|-------|-------|
| 22 | HAG | 300   | 0.38% |
| 23 | HCM | 200   | 0.61% |
| 24 | HDB | 1,200 | 2.83% |
| 25 | HDG | 100   | 0.26% |
| 26 | HHV | 200   | 0.26% |
| 27 | HPG | 1,600 | 4.42% |
| 28 | HSG | 200   | 0.34% |
| 29 | KBC | 200   | 0.57% |
| 30 | KDC | 100   | 0.70% |
| 31 | KDH | 200   | 0.63% |
| 32 | LPB | 1,300 | 5.31% |
| 33 | MBB | 1,500 | 4.01% |
| 34 | MSB | 1,000 | 1.30% |
| 35 | MSN | 400   | 2.61% |
| 36 | MWG | 500   | 3.00% |
| 37 | NAB | 500   | 1.01% |
| 38 | NKG | 200   | 0.30% |
| 39 | NLG | 100   | 0.34% |
| 40 | OCB | 600   | 0.74% |
| 41 | PAN | 100   | 0.27% |
| 42 | PC1 | 100   | 0.24% |
| 43 | PDR | 200   | 0.39% |
| 44 | PLX | 100   | 0.40% |
| 45 | PNJ | 100   | 0.81% |
| 46 | POW | 300   | 0.39% |
| 47 | PVD | 100   | 0.22% |
| 48 | PVT | 100   | 0.24% |
| 49 | REE | 100   | 0.79% |
| 50 | SAB | 100   | 0.57% |
| 51 | SBT | 200   | 0.38% |
| 52 | SHB | 1,600 | 2.27% |
| 53 | SSB | 900   | 2.25% |
| 54 | SSI | 600   | 1.60% |
| 55 | STB | 800   | 3.43% |
| 56 | TCB | 2,000 | 6.12% |
| 57 | TCH | 200   | 0.37% |
| 58 | TPB | 600   | 0.91% |
| 59 | VCB | 400   | 2.72% |
| 60 | VCG | 100   | 0.24% |
| 61 | VCI | 200   | 0.83% |
| 62 | VHM | 500   | 3.14% |
| 63 | VIB | 900   | 1.98% |
| 64 | VIC | 500   | 3.69% |



|     |                 |            |       |
|-----|-----------------|------------|-------|
| 65  | VIX             | 600        | 0.81% |
| 66  | VJC             | 100        | 1.02% |
| 67  | VND             | 500        | 0.82% |
| 68  | VNM             | 400        | 2.69% |
| 69  | VPB             | 1,900      | 3.93% |
| 70  | VRE             | 400        | 0.93% |
| II. | Tiền/Cash (VND) | 42,094,331 |       |

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/**

***Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:***

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities basket*: (VND) 771,810,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/*Value per ETF creation unit*: (VND) 813,904,331

Giá trị chênh lệch/*Cash component*: (VND) 42,094,331

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

| STT | Mã chứng khoán  | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu | Đối tượng áp dụng                                               | Lý do                                                                                                                                   |
|-----|-----------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| No. | Securities code | Substitution cash per share VND    | Applied to                                                      | Reason                                                                                                                                  |
| 1   | ACB             | 21,800                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 2   | BID             | 32,450                             | BSC                                                             | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular |
| 3   | FPT             | 105,300                            | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 4   | GMD             | 42,200                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 5   | MBB             | 20,650                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 6   | MWG             | 46,250                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 7   | PNJ             | 62,800                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 8   | REE             | 61,000                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 9   | TCB             | 23,600                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 10  | TPB             | 11,700                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 11  | VPB             | 15,950                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 12  | VND             | 12,650                             | VND                                                             | Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading                                                      |

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

U  
T.T.N.H.H.★  
A NỘI